

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các điều 117, 122, 385, 401, 407, 408, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 519/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K.

Trụ sở chính: Số 40 - 42 - 44 P, phường V, thành phố R, tỉnh K. Địa chỉ liên hệ: 184 H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V – Giám đốc văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP K tại thành phố H. Theo quyết định số 68/CTHĐQT ngày 09/7/2024).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Hữu K, sinh năm 1994 – chức vụ chuyên viên xử lý nợ. Theo quyết định ủy quyền số 2388/QĐ-NHKL ngày 26/8/2024).

Bị đơn: Vợ chồng ông Tăng Xuân H, sinh năm 1990, bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1994, cùng địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Tăng Xuân H, bà Bùi Thị Thu H nhận trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/02/2025 trong đó tiền lãi trong hạn là 75.419.178 đồng; tiền phạt chậm trả lãi là 11.130.129 đồng và lãi quá hạn: 451.898.630 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi: 2.038.447.937 đồng (*Hai tỷ không trăm ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày 18/02/2025 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc, vợ chồng ông Tăng Xuân H, bà Bùi Thị Thu H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 457/22/HĐTD/2900-7613 ngày 14/10/2022 kèm khế ước nhận nợ số 001.457/22/KUNN ngày 14/10/2022. Mức lãi suất mà vợ chồng ông Tăng Xuân H, bà Bùi Thị Thu H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K theo Quyết định này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ.

Kể từ ngày đến hạn trả nợ, nếu vợ chồng ông Tăng Xuân H, bà Bùi Thị Thu H không trả đủ tổng số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh L kê biên, bán đấu giá để thu hồi nợ đối với tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 514/20/HĐTC-BDS/2900-8515 ngày 07/10/2020 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 195883, sổ vào sổ cấp GCN: CS 05096 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 27/8/2019, cập nhật thay đổi quyền sở hữu, sử dụng ngày 11/10/2019. Diện tích: 579,1m² (bằng chữ: Năm trăm bảy mươi chín phẩy một mét vuông); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn 200m²; Đất trồng cây hàng năm khác 379,1m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài; Đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 15/10/2063 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Tăng Xuân H, bà Bùi Thị Thu H được công chứng ngày 07/10/2020 tại Văn phòng Công chứng P, tỉnh L số công chứng: 2337, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 07/10/2020 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh L.

- Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Tăng Xuân H, bà Bùi Thị Thu H liên đới nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là: 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm ngàn đồng*). Số tiền này Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K nộp tạm ứng và đã được quyết toán xong nên vợ chồng ông Tăng Xuân H, bà Bùi

Thị Thu H nhận trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày vợ chồng ông Tăng Xuân H, bà Bùi Thị Thu H không trả đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Buộc vợ chồng ông Tăng Xuân H, bà Bùi Thị Thu H liên đới phải nộp 36.384.479 đồng (*Ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm bảy chín đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K số tiền 34.519.968 đồng (*Ba mươi bốn triệu năm trăm mười chín ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000324 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA DS huyện;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Anh